

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

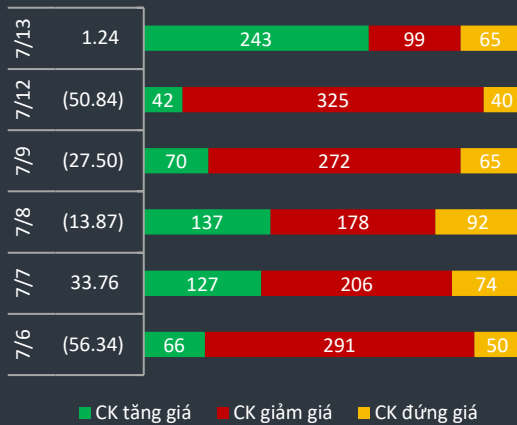
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	(97.97)	
VIC	(93.54)	
VCB	(71.31)	
CTG	(51.43)	
HPG	(49.62)	
E1VFN30	(44.61)	
PDR	(31.89)	
MBB	(31.07)	
NVL		14.35
TCH		15.00
VRE		15.28
HCM		15.50
SSI		17.12
HSG		26.30
KDH		44.39
VHM		85.90

Phiên sáng thị trường đã hạ nhiệt phục hồi một phần và giao dịch quanh ngưỡng tham chiếu 1295. Đến đầu phiên chiều áp lực bán có phần gia tăng lên nhóm blue chip làm chỉ số Vnindex đột ngột xấu đi và có thời điểm mất hơn 15 điểm dù số mã tăng có phần nhiều hơn số mã giảm. Tín hiệu hồi của thị trường đã nhen nhóm từ thời điểm này nhưng thị trường khó bứt phá do yếu thanh khoản. Có nhiều lo ngại phiên trong ngày có thể giải chấp nhưng thật sự theo thống kê ở nhiều công ty chứng khoán lớn hầu như các công ty đã hạ tỷ lệ từ trước đó và hạn chế đẩy margin quá cao vì vậy hầu như thị trường không còn áp lực bán tháo.

Thị trường giằng co mạnh trong cả phiên chiều và đóng cửa đảo chiều xanh nhẹ 1.2 điểm nhờ nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng đảo chiều. Giao dịch sàn HOSE trong ngày chỉ đạt khoảng 14,288 tỷ đồng, giảm gần ½ so với trung bình hàng ngày. Nguyên nhân là do nhiều nhà đầu tư vẫn thận trọng chưa giải ngân nhiều và giữ trạng thái theo dõi diễn biến thị trường.

Nổi bật nhất trong ngày là nhóm cổ phiếu chứng khoán khi đồng loạt xanh điểm gần như hầu hết vào cuối phiên. SSI từ mức giảm đầu phiên đã tăng 4.6% lúc đóng cửa. HCM tăng 6.1%, VIC 2.3%, VND 5% và hàng loạt mã chứng khoán tầm trung và nhỏ tăng trung bình hơn 5% cuối phiên.

Nhóm ngành ngân hàng diễn biến tích cực hơn với khoảng 2/3 số cổ phiếu niêm yết đảo chiều xanh điểm cuối phiên trong đó đứng đầu là nhóm bank nhỏ VBB, SGB, SHB, BVB với mức tăng trung bình gần 3%. Nhóm tầm trung và lớn như STB, BID, TCB, ACB, HDB, OCB đã tiệm cận quanh tham chiếu và xanh nhẹ 1%. chỉ có nhóm VCB, VIB, EIB, LPB, CTG còn giảm trung bình trên -2%.

Phiên hôm nay khối ngoại bán ròng 210 tỷ đồng trong đó có nhiều cổ phiếu ngân hàng như STB 800k, CTG 1.5 triệu, MBB 1 triệu, VCB 687k, SHB 441k. Ngoài nhóm ngân hàng, trong ngày khối ngoại cũng bán ròng nhiều ở các mã blue chip như HPG, VNM, VIC, MSN và mua ròng KDH, VHM, SSI, VRE, HSG.

Vnindex 1,297.54

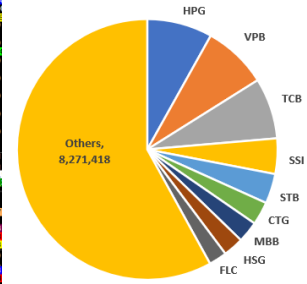
▲ +1.24 (-0.1%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%	
SSI	51.8	2,300	4.65	
GAS	91.5	3,500	3.98	
POW	10.6	400	3.94	
BCM	52.3	1,800	3.56	
VRE	27.9	850	3.15	
PLX	51.0	1,350	2.72	
HVN	25.6	650	2.61	
DHG	93.9	1,900	2.07	
GVR	30.0	600	2.04	
VHM	109.5	1,500	1.39	
HPG	45.5	550	1.22	
STB	28.7	300	1.06	
FPT	87.0	900	1.05	
BID	42.4	400	0.95	
BVH	50.7	400	0.80	
TCB	53.9	400	0.75	
CTG	34.6	400	0.75	
HPG	45.5	550	1.22	
STB	28.7	300	1.06	
DGW	134.7	5.6	120	50
MWG	175.0	12.9	130	150
REE	51.9	(400)	(0.76)	
MWG	175.0	(1,600)	(0.91)	
VIC	103.0	(1,000)	(0.96)	
SAB	157.0	(1,800)	(1.13)	
CTG	34.6	(400)	(1.14)	
VNM	84.3	(2,000)	(2.32)	
PNJ	99.2	(2,900)	(2.84)	
VIB	47.7	(1,500)	(3.05)	
VCB	103.4	(3,700)	(3.45)	
MSN	115.0	(4,900)	(4.09)	
PDR	87.0	(3,900)	(4.29)	



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex có phiên hồi phục khá sau khi đào sâu thêm khoảng 15 điểm trong ngày. Về tín hiệu kỹ thuật đồ thị xuất hiện một nền xanh mỏng trong ngày cho tín hiệu đảo chiều ngắn hạn. Từ đỉnh 1420 chỉ số Vnindex đã giảm -140 điểm tương ứng -10%. Điểm đảo chiều hôm nay trùng với đường hỗ trợ EMA 100 cũng là điểm hồi đảo chiều của đợt giảm hồi tháng 1 đầu năm.

Đây là mức điều chỉnh dài thứ hai sau đợt tháng 1. Thị trường chưa xác nhận đảo chiều mà có thể còn giằng co thêm vài phiên để tìm điểm cân bằng. Tuy nhiên các trạng thái dò đáy của nhà đầu tư đã có thể bắt đầu từ phiên hôm nay. Một số cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ ngắn hạn có thể chờ tín hiệu tích lũy trở lại như TCB, MBB, STB, OCB, GVR, HCM, SSI, VCI, HPG, NKG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	51.9	(1.1)	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	1.8%
GVR	30.0	(11.2)	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	2.0%
HCM	47.5	(3.8)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	5.6%
VCI	52.7	(4.0)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 50-52	7/12/2021	2.3%
SSI	51.8	(1.5)	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	3.6%
MBB	29.8	0.3	40	70	Nắm giữ, mua thêm quanh 40	7/12/2021	2.8%
OCB	27.5		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	1.9%
TCB	53.9	(0.2)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 55	7/12/2021	1.7%
CTG	34.6	(7.9)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 35	7/12/2021	1.8%
HPG	45.5	(5.2)	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	1.1%
STB	28.7	(5.4)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	2.5%
DGW	134.7	5.6	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	34.7%
MWG	175.0	12.9	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	37.3%

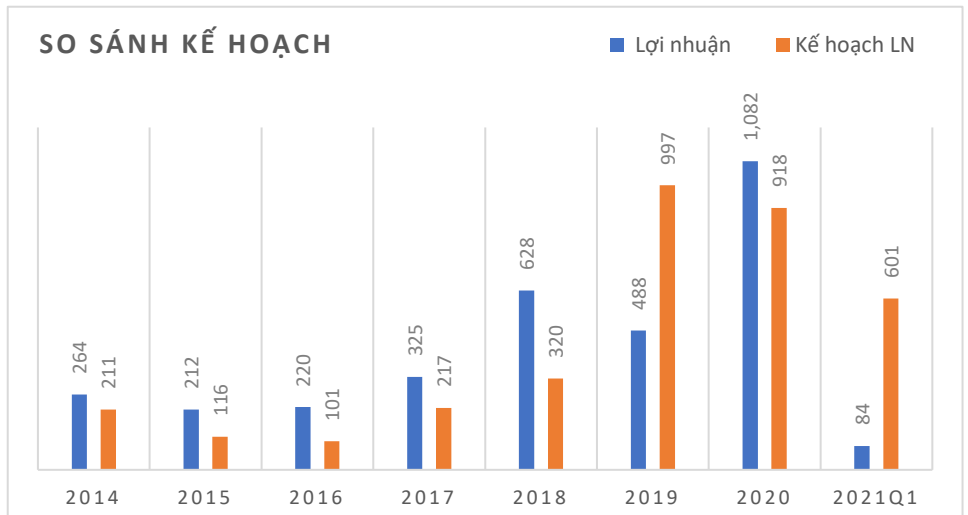
**PHR:** Trong quý II/2021, Cao su Phước Hòa ghi nhận doanh thu đạt 349,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 36,8 tỷ đồng, lần lượt tăng 142,1% và giảm 85,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp tăng từ 6,4% lên 9,2%.

Trong kỳ, mặc dù lợi nhuận gộp tăng 251,1% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 23,1 tỷ đồng lên 32,3 tỷ đồng nhưng lợi nhuận khác giảm tới 95% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 300,8 tỷ đồng về còn 15,9 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể. Như vậy, trong quý II/2021, lợi nhuận của PHR giảm mạnh do hụt lợi nhuận khác.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, PHR ghi nhận doanh thu đạt 590,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 58 tỷ đồng, lần lượt tăng 87,1% và giảm 85,3% so với 6 tháng đầu năm 2020. Theo kế hoạch năm nay lợi nhuận của PHR khoảng 600 tỷ đồng.

Doanh nghiệp có thuyết minh, trong 6 tháng đầu năm 2021 không ghi nhận tiền bồi thường thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II, trong khi cùng kỳ năm 2020 đã ghi nhận 456,1 tỷ đồng. Chính vì không còn ghi nhận tiền bồi thường dẫn tới lợi nhuận giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm.

Tính tới 30/6/2021, tổng tài sản của PHR giảm 8,6% so với đầu năm về còn 3.414 tỷ đồng. Trong đó, tài sản tài chính dài hạn là 1.480 tỷ đồng, chiếm 43,4% tổng tài sản; tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn là 679,9 tỷ đồng, chiếm 19,9% tổng tài sản; tài sản cố định là 484 tỷ đồng, chiếm 14,2% tổng tài sản; tài sản dở dang dài hạn là 324 tỷ đồng, chiếm 9,5% tổng tài sản.



PHR	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021Q1
Doanh thu	1,605	1,227	1,178	1,654	1,558	1,639	1,632	280
Lợi nhuận	264	212	220	325	628	488	1,082	84
Lợi Nhuận Gộp	275	169	158	284	274	353	389	62
Chi phí lãi vay	(31)	(35)	(19)	(49)	(28)	(30)	(50)	(6)
KLCP DLH (triệu CP)	81	81	81	81	135	135	135	135
VCSH	2,253	2,193	2,296	2,411	2,687	2,601	3,311	3,317
Tổng Tài Sản	3,429	3,300	3,860	4,295	5,087	5,855	6,539	5,990
Vay Ngắn Hạn	491	360	603	463	127	99	116	148
Vay Dài Hạn	257	254	232	239	377	419	528	403
Tổng Nợ vay	748	615	835	702	505	518	644	552
Book Value	27,713	26,977	28,236	29,657	19,829	19,197	24,438	24,483
EPS	3,245	2,604	2,707	4,004	4,637	3,600	7,985	7,074

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

FLC	6.73
HAR	6.74
TDG	6.78
DLG	6.79
BMC	6.79
SBT	6.82
ROS	6.83
HCD	6.84
ITA	6.85
HAI	6.85
VOS	6.85
HID	6.87
DCM	6.88
LHG	6.89
DCL	6.90
TTF	6.91
TTB	6.92
DAG	6.93
HQC	6.95
BSI	7.22
TVB	8.53
KSH	9.09
HAP	10.00

## Top tăng giá HNX

KHB	9.09
LDP	9.17
VC2	9.19
TVD	9.52
BVS	9.64
VC9	9.68
TC6	9.68
DID	9.68
NBC	9.76
SVN	9.76
HTP	9.86
BII	10.00
SDT	10.00

**ABB** - Ngân hàng TMCP An Bình - Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm của ABBank đạt 1.164 tỷ đồng, thực hiện được 59% so với kế hoạch 2021. Dư nợ tín dụng đạt 99,91% so với room tín dụng được Ngân hàng nhà nước (NHNN) phê duyệt.

**FIT** - CTCP Tập đoàn F.I.T – Đã thông qua việc phát hành 8 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong tháng 7 hoặc tháng 8/2021.

**HII** - CTCP An Tiến Industries – Đã thông qua phương án phát hành hơn 4,8 triệu cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền nhận cổ phiếu vào 26/7/2021.

**SSB** - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – SeaBank - Ngày 23/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:9,1206 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 9,1206 cổ phiếu mới), tương đương SSB sẽ phát hành thêm hơn 110,24 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

**TLG** - CTCP Tập đoàn Thiên Long – Đã thông qua việc góp vốn 600 tỷ đồng, thành lập Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nam Thiên Long, tương ứng 100%/vốn Công ty mới.

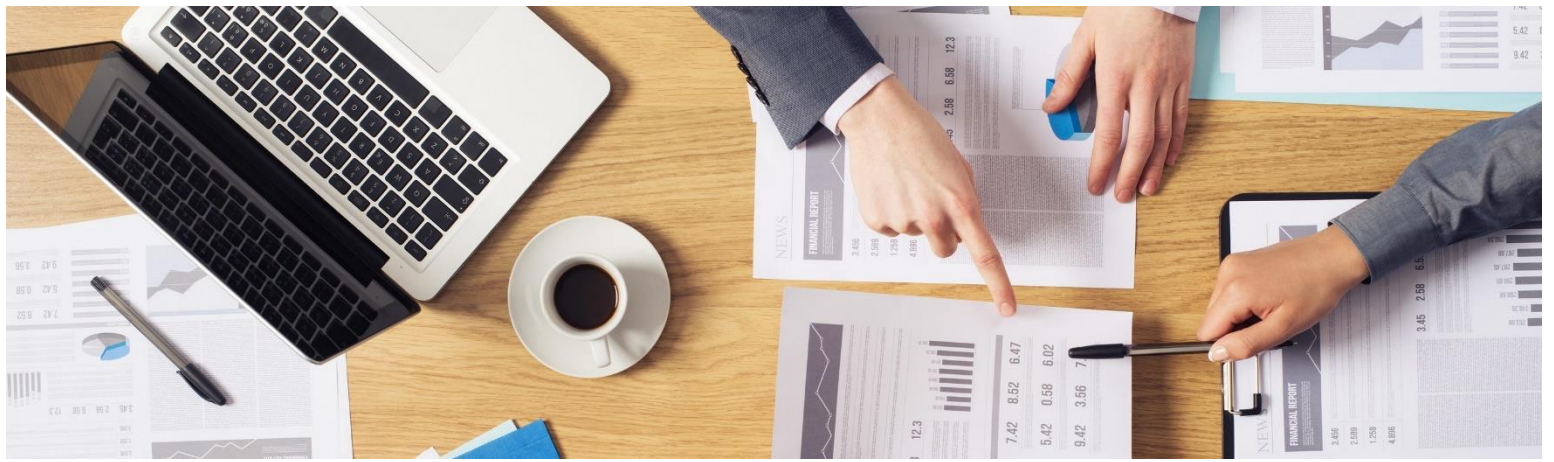
**PMB** - CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc - Ngày 23/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 7%, thanh toán bắt đầu từ ngày 16/8/2021.

**NKG** - Công ty cổ phần Thép Nam Kim - Dự kiến trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 7 cổ phiếu. Bên cạnh đó, doanh nghiệp dự kiến tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 13%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 13 cổ phiếu mới.

**HCD** - Công ty Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm ước đạt khoảng 16 tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước nhờ giá dầu tăng mạnh đã kéo giá hạt nhựa tăng.

**TPH** - CTCP In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội - Công bố BCTC quý 2/2021 với doanh thu đạt 11,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 947 triệu đồng, tương đương tăng lần lượt 23% và 20% so với cùng kỳ năm trước.

**MCO** - CTCP Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam - Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế được đề ra cho năm 2021 lần lượt đạt 68 tỷ đồng và 200 triệu đồng.

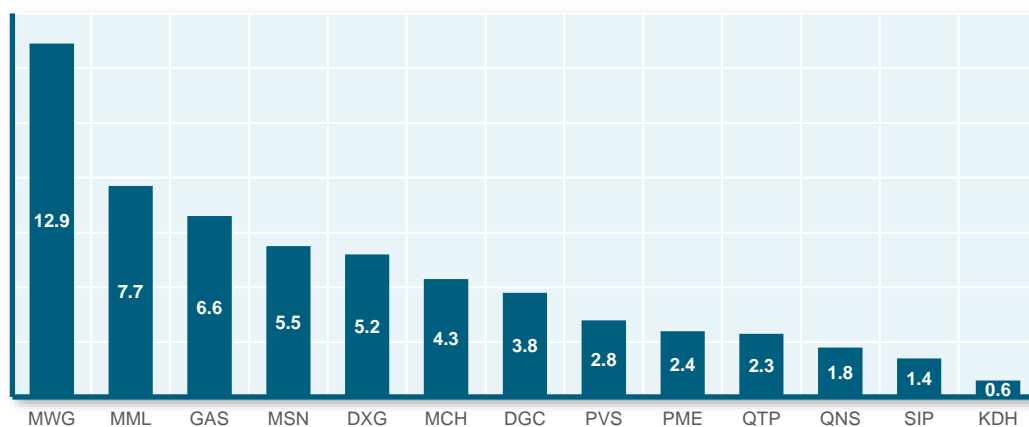


## Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



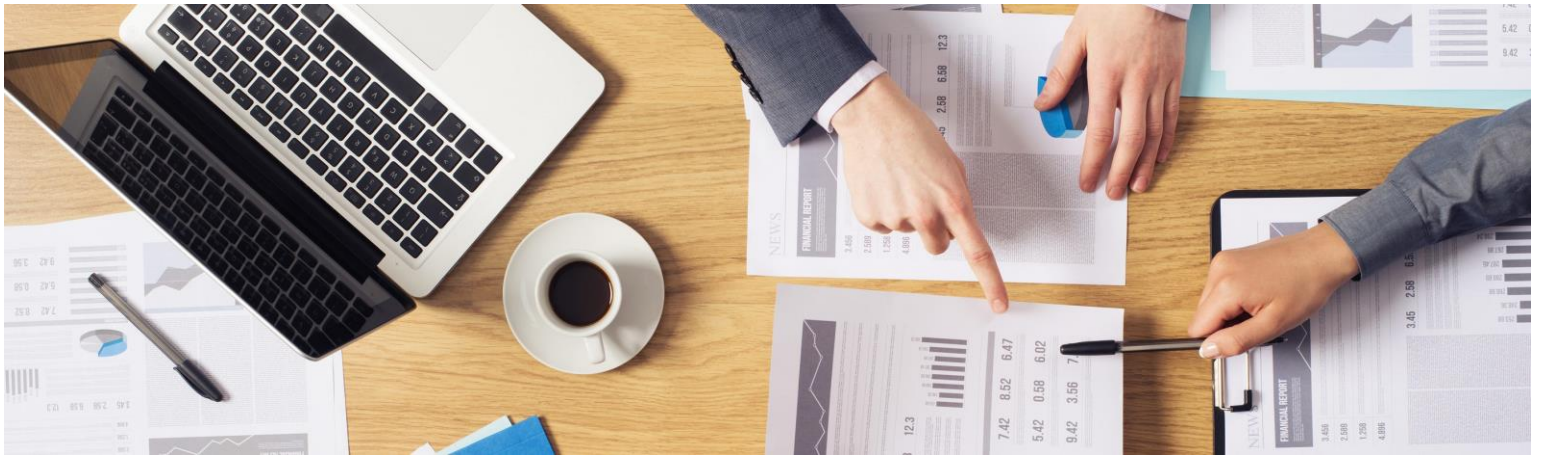
## Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	21.8	2,448,132	9.8	1.3	-	-	12,455	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	32.9	6,672,200	7.4	1.9	250,000	250,000	88,894	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	22.9	48,870	24.4	1.9	-	-	16,225	-	939	12,064
BID	HNX	42.4	1,982,500	20.2	2.1	78,700	102,600	170,534	16.70	2,103	20,453
CTG	HOSE	34.6	11,766,000	7.3	1.4	211,100	1,690,900	128,830	24.66	4,761	24,665
EIB	HOSE	28.1	222,100	39.4	2.0	4,700	129,000	34,547	29.82	713	13,822
HDB	HOSE	34.0	2,913,100	8.4	2.1	760,900	463,700	54,108	18.39	4,066	16,572
LPB	UPCOM	27.5	7,378,500	12.3	2.0	8,200	210,100	29,553	3.21	2,239	14,059
MBB	HOSE	29.8	12,555,900	7.6	1.6	219,600	1,260,400	83,403	22.44	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.0	7,645,900	11.5	1.8	500,000	-	32,396	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.2	1,645,685	-	1.8	-	1,400	7,811	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	27.5	2,611,200	8.2	1.6	239,000	88,900	30,137	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	24.3	21,975,443	12.1	1.7	32,900	474,200	46,791	4.03	2,013	14,631
SSB	HOSE	38.6	1,732,300	29.0	3.3	-	-	46,658	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.7	18,442,600	19.2	1.7	912,800	1,707,900	51,765	13.78	1,495	16,485
TCB	HOSE	53.9	20,072,400	13.2	2.4	1,300,000	1,300,000	188,914	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	34.8	3,263,000	8.0	2.0	-	-	37,294	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	103.4	1,865,300	18.1	3.8	1,206,200	1,893,200	383,498	23.70	5,708	27,234
VIB	HOSE	47.7	3,357,800	9.0	2.7	22,400	4,300	74,085	20.86	5,297	17,420
VPB	HOSE	64.0	17,823,800	13.8	2.8	-	320,600	157,104	15.00	4,628	22,811
			<b>146,422,730</b>	<b>14.68</b>	<b>2.09</b>	<b>5,746,500</b>	<b>9,897,200</b>	<b>1,675,000</b>		<b>3,004</b>	<b>17,388</b>



### Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	51,800	15,529,561	33,924,577	2,552.8	20.3	2.92	17,724	4.65
VCI	UPCOM	52,700	2,940,941	17,549,100	2,829.4	18.6	1.78	29,655	2.33
HCM	HNX	47,500	6,622,023	14,489,488	2,674.9	17.8	3.04	15,612	6.15
VND	UPCOM	39,700	6,677,494	8,516,233	5,308.7	7.5	1.90	20,939	5.03
SHS	UPCOM	39,700	9,882,999	8,228,548	4,994.5	7.9	2.21	17,951	2.85
MBS	UPCOM	30,000	2,851,061	8,028,206	1,279.0	23.5	2.28	13,147	3.45
FTS	HOSE	33,200	700,332	4,891,819	2,841.6	11.7	1.87	17,751	0.30
VIX	HNX	21,400	4,801,850	2,733,186	5,259.2	4.1	1.32	16,190	(4.25)
AGR	HOSE	12,800	3,185,289	2,703,359	572.1	22.4	1.31	9,775	1.59
BSI	UPCOM	20,800	2,170,371	2,528,670	2,051.4	10.1	1.64	12,711	7.22
ORS	HNX	22,300	1,180,845	2,230,000	1,516.4	14.7	2.11	10,574	3.72
VDS	HOSE	23,300	1,173,125	2,332,328	3,383.2	6.9	1.81	12,884	0.22
CTS	HOSE	20,300	2,038,721	2,159,912	2,444.1	8.3	1.46	13,885	1.75
TVS	HOSE	24,900	138,166	2,446,056	4,714.3	5.3	1.68	14,852	0.81
BVS	UPCOM	27,300	1,329,933	1,971,064	3,033.8	9.0	1.01	26,909	9.64
EVS	HOSE	32,700	432,198	1,962,013	2,382.6	13.7	2.31	14,167	9.73
SBS	HOSE	13,000	3,531,360	1,646,580	25.2	516.7	7.91	1,643	11.11
PHS	HOSE	12,100	1,320	1,089,000	828.3	14.6	1.07	11,291	-
TVB	HOSE	14,000	842,000	996,014	1,973.7	7.1	1.20	11,645	8.53
ART	HNX	8,600	6,046,673	833,534	269.8	31.9	0.75	11,459	8.86
TCI	UPCOM	13,300	310,851	658,350	2,331.0	5.7	1.09	12,235	1.53
IVS	UPCOM	8,400	136,304	582,540	352.2	23.9	0.85	9,862	1.20
BMS	UPCOM	11,900	107,327	595,000	1,808.9	6.6	0.92	12,977	6.25
APS	HOSE	12,400	2,166,644	483,600	2,395.8	5.2	1.11	11,126	2.48
PSI	UPCOM	8,300	205,533	496,683	182.9	45.4	0.79	10,519	2.47

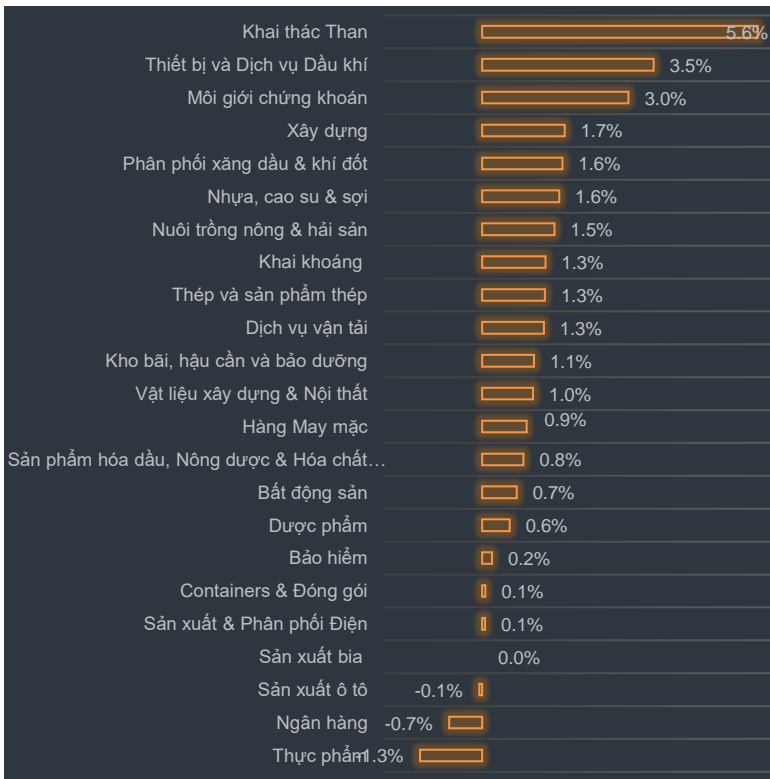


### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PDN	HOSE	20/07/2021	21/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SVC	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	POT	HNX	19/07/2021	20/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	BRC	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SGN	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	PCE	HNX	16/07/2021	19/07/2021	26/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	IST	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NSS	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 8,296 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	LBC	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 875 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NAP	HNX	15/07/2021	16/07/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PSL	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOP	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BCE	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	26/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HAD	HNX	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PPC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TCL	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VNR	HNX	14/07/2021	15/07/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu



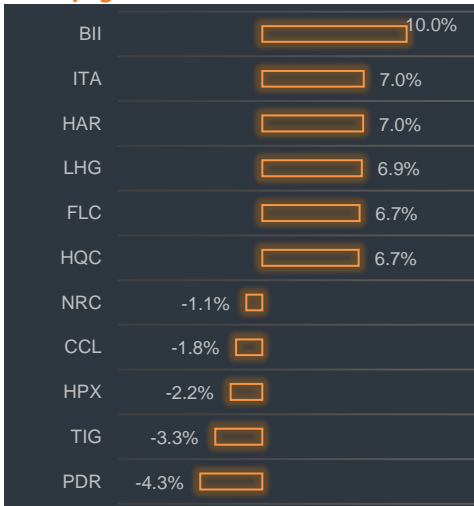
# Tăng giảm ngành trong ngày



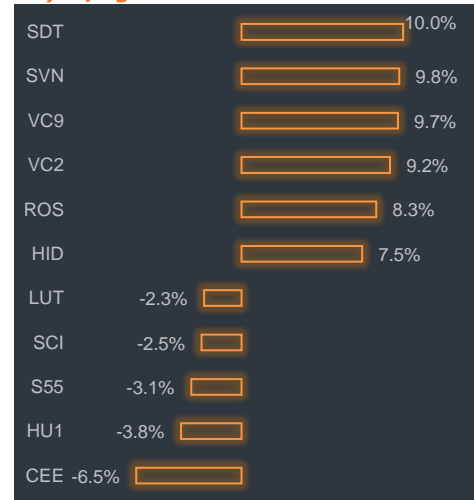
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	BII, ITA, HAR
<b>Xây dựng:</b>	SDT, , SVN, VC9
<b>Dầu khí:</b>	TDG, PVS, HTC
<b>Chứng khoán:</b>	SBS, BVS, HCM
<b>Ngân hàng:</b>	SHB, ABB, STB

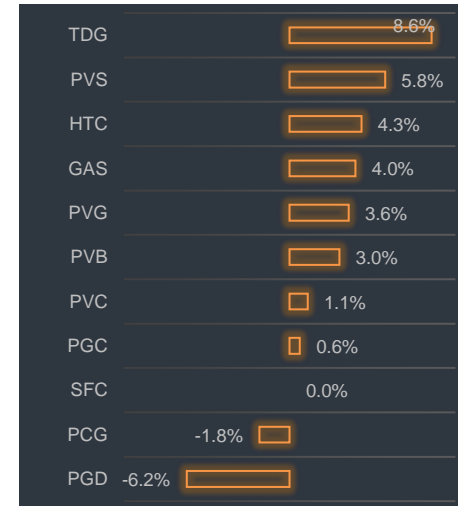
### Bất động sản



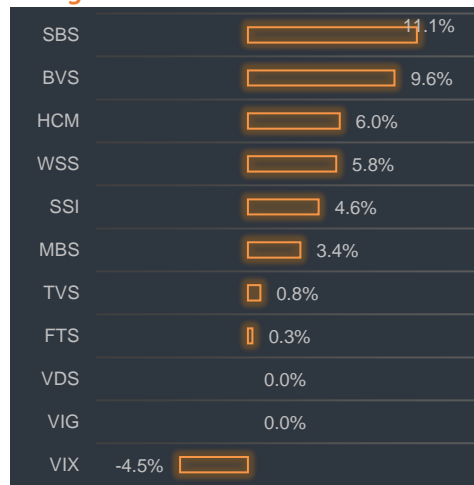
### Xây dựng



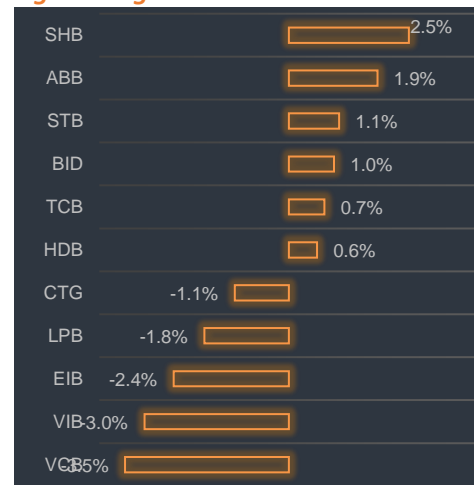
### Dầu khí



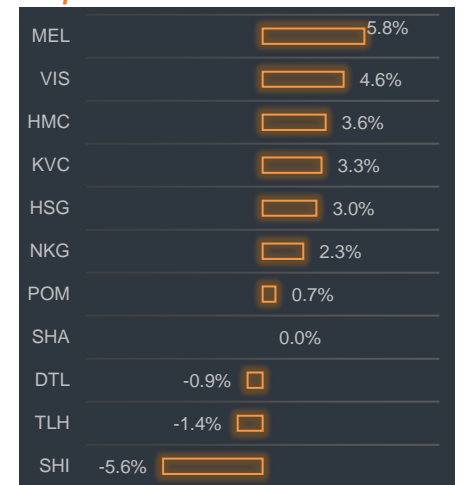
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931